

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 432/2026/DS-ST
Ngày: 19-6-2026
V/v tranh chấp: “Đòi lại tài sản
theo hợp đồng dịch vụ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Nguyễn Văn Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Anh Thư- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định Hoãn phiên tòa số 399/2026/QĐST-DS ngày 29/4/2026; Quyết định Hoãn phiên tòa số 516/QĐST-DS ngày 22/5/2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 837/QĐXXST-DS ngày 22/5/2026, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Hữu L**; sinh năm: 1991. Địa chỉ: B khu vực P, phường C, thành phố Cần Thơ (phường T, quận C, thành phố Cần Thơ cũ). Điện thoại: 0939.204.545.

Đại diện uỷ quyền: bà **Nguyễn Thị Kim H**; sinh năm: 1981. Địa chỉ: B, Khu V, phường C, thành phố Cần Thơ (Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ cũ). Điện thoại: 0909.363.678. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông **Trần Quang N**; sinh năm: 1987. ĐKTT: 133/6A khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ (phường L, quận C, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/5/2025 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 11/11/2025 của nguyên đơn là ông Đỗ Hữu L và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cho rằng:

Vào năm 2017, ông Đỗ Hữu L có quen biết với ông Trần Quang N qua việc sửa xe tại tiệm sửa xe của ông N.

Ngày 27/5/2023, ông N giới thiệu cho ông L mua chiếc xe mô tô Suzuki (X) biển số 65K-229.67. Tiền mua xe ông L đã trả xong cho người bán. Do ông L muốn mua xe về tân trang xong sẽ bán lại cho người khác nên ông N có hứa làm dịch vụ tân trang xe cho ông L. Ngoài ra, ông N cho rằng có quen biết với nhiều công an nên sẽ thực hiện thủ tục sang tên chủ cũ qua tên ông L nên ông N nhiều lần yêu cầu ông L chuyển tiền để ông N đi thực hiện thủ tục sang tên xe, cũng như mua đồ tân trang xe cho ông L.

Sau đó, vào tháng 03/2024, ông N giới thiệu cho ông L mua thêm chiếc xe CB250, hiệu Honda biển số 67A1-325.72 và cũng hứa làm dịch vụ tân trang xe, cùng thủ tục sang tên xe cho ông L.

Do tin tưởng nên ông N nhiều lần yêu cầu ông L chuyển tiền cho ông N để làm dịch vụ tân trang xe và làm thủ tục sang tên 02 chiếc xe nêu trên; tổng cộng từ ngày 28/5/2023 đến 11/7/2024, ông L đã chuyển cho ông N là 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng). Số tiền này không bao gồm tiền mua xe, chỉ gồm tiền ông L thuê ông N tân trang hai chiếc xe (tiền công và tiền phụ tùng, đồ chơi xe tân trang thêm) và tiền dịch vụ làm thủ tục sang tên chủ xe cũ sang tên cho ông L nhưng ông N chưa thực hiện tân trang xe và cũng chưa sang tên xe cho ông L.

Sau nhiều lần kiểm tra thấy ông N chưa có mua đồ tân trang xe và cũng chưa thực hiện việc sang tên xe cho ông L, ông L có nhắc nhở nhưng ông N nhiều lần tìm cớ và hứa hẹn với ông L nhưng ông N vẫn không thực hiện được gì nên ông N đã giao trả lại hai chiếc xe cho ông L và ông N hứa trả lại số tiền đã nhận cho ông L. Tuy nhiên, đến nay ông N vẫn không trả cho ông L đồng nào và cố tình trốn tránh ông L.

Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông Trần Quang N phải trả cho ông Đỗ Hữu L số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng) là số tiền ông Trần Quang N đã nhận để làm dịch vụ tân trang xe; làm thủ tục sang tên xe chiếc xe Suzuki (Xipo) biển số 65K-229.67 và chiếc xe CB250, hiệu Honda biển số 67A1-325.72.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Quang N vắng mặt.

Sau khi thực hiện các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp; xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét mối quan hệ pháp luật:

Đây là vụ kiện tranh chấp "Đòi lại tài sản theo hợp đồng dịch vụ" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Quang N vắng mặt; Toà án đã thực hiện thủ tục thông báo cho ông Trần Quang N trên phương tiện thông tin đại chúng là B số 17 ngày 17/01/2026; số 18 ngày 18/01/2026; số 19 ngày 19/01/2026 và đăng thông báo tìm ông Trần Quang N trên V từ ngày 21/01/2026 đến ngày 23/01/2026 để tìm ông N về giải quyết vụ kiện nhưng ông N vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến hay tài liệu chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết.

Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Bảng sao kê uỷ nhiệm chi chuyển khoản từ tài khoản của ông Đỗ Hữu L cho ông Trần Quang N, số tài khoản 070114458501 tại Ngân hàng S từ ngày 28/5/2023 đến ngày 11/7/2024 (bản chính của Ngân hàng S) và Vi bằng số 51/2026 ngày 21/01/2026 do Văn phòng T lập; trong đó có nội dung tin nhắn và ghi âm giữa tài khoản Zalo của ông N với ông L có nội dung thể hiện ông N thừa nhận có nợ số tiền 297.000.000 đồng của ông L về giao dịch tân trang và dịch vụ giấy tờ xe cho chiếc xe Xipo và chiếc xe Yaz. Do ông N đã nhận tiền của ông L để thực hiện dịch vụ tân trang xe và thủ tục sang tên xe cho ông L nhưng ông N không thực hiện theo thỏa thuận nên ông L khởi kiện yêu cầu ông N phải trả lại số tiền đã nhận 297.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông N phải chịu (297.000.000 đồng x 5%) = 14.850.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 166, 513, 516, 517, 357 Bộ luật Dân sự.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đỗ Hữu L.
Buộc ông Trần Quang N phải trả lại cho ông Đỗ Hữu L số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trần Quang N còn phải chịu tiền lãi chậm trả cho đến khi thi hành án xong, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- 2.1 Ông Trần Quang N phải chịu 14.850.000 đồng án phí.
- 2.2 Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 7.425.000 đồng theo Biên lai số 0013540 ngày 31/12/2025 và Biên lai số 0000015 ngày 05/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Cần Thơ;
- Phòng T.H.A DS khu vực 3- Cần Thơ;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang